

ĐỖ DUY HƯNG\*  
TRẦN ANH CHÂU\*\*

## SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BẢN HỘI TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU

*Tóm tắt:* Trong tín ngưỡng thờ Mẫu (tín ngưỡng Tam phủ-Tứ phủ) ở Việt Nam, bản hội là một hình thức tổ chức liên kết những người thực hành lên đồng, lấy một vị đồng thầy làm trung tâm. Nó có thể được xem là một loại cộng đồng tôn giáo ở quy mô nhỏ. Hiện tượng bản hội thực tế xuất hiện đã lâu, và hiện nay cũng đã có nhiều thay đổi so với những phiên bản được nhắc tới từ thời M. Durand thực hiện nghiên cứu về mạng lưới những người lên đồng vào những năm 40 của thế kỷ XX. Một số câu hỏi có thể nêu ra như sau: Bản hội có nguồn gốc hình thành như thế nào? Có đặc điểm nào? Được tổ chức và vận hành ra sao? Chúng tôi phân tích các dữ liệu thu thập từ thực địa qua phương pháp nghiên cứu định tính, vận dụng tiếp cận Tôn giáo học và lý thuyết Mạng lưới xã hội để trả lời các câu hỏi nêu trên.

*Từ khóa:* Bản hội; thanh đồng; đồng thầy; mạng lưới xã hội.

### Dẫn nhập

Có thể coi sự xuất hiện của vị thần chủ (Thánh Mẫu Liễu Hạnh) vào thế kỷ XVI cùng với Tam Tòa Thánh Mẫu (Thiên – Nhạc – Thoải) chính là biểu hiện của sự quy tập và thống nhất không chỉ về điện thần mà còn về đối tượng phụng thờ của tín ngưỡng thờ Mẫu. Tuy nhiên, trong quá trình lịch sử, do tác động của các chủ trương văn hóa xã hội qua từng thời kỳ mà thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu đã gặp không ít khó khăn. Trong những năm 1960 đến trước khi bắt đầu Đổi mới (1986), việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu luôn bị coi là mê tín dị

---

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 15/10/2022; Ngày biên tập: 25/10/2022; Duyệt đăng: 06/11/2022.

đoan nên nhiều cơ sở thờ tự bị phá bỏ hoặc bỏ hoang dẫn đến xuống cấp, các lễ hội bị cấm tổ chức; nghi lễ hầu đồng và các lễ hội cũng bị cấm. Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), mọi chính sách về văn hóa có sự thay đổi, nhất là chủ trương bảo tồn các di sản văn hóa, những tín ngưỡng dân gian trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Do đó, tín ngưỡng thờ Mẫu ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, chúng ta chứng kiến sự phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu diễn ra ở khắp nơi trên cả nước, nhất là ở khu vực đồng bằng sông Hồng, cái nôi của tín ngưỡng thờ Mẫu. Các đền, phủ được tôn tạo, xây dựng to và đẹp: “Đền to, phủ lớn” nhờ vào nguồn kinh phí của Nhà nước dành cho bảo tồn di sản, cũng như sự kêu gọi vốn xã hội hóa của các thủ nhang, đồng đền và sự đóng góp của các “con nhang, đệ tử”. Bên cạnh đó, những điện thờ tư gia cũng được xây dựng nhiều, kéo theo là số lượng người mới ra trình đồng, mở phủ, nhất là giới trẻ, có sự gia tăng đột biến. Ví dụ, một kết quả khảo sát cho thấy, về độ tuổi ra trình đồng: với 50% số người tham gia khảo sát cho biết họ ra trình đồng trước 25 tuổi và 50% số người ra trình đồng sau năm 25 tuổi. Độ tuổi trung bình khi ra trình đồng của những người tham gia khảo sát là 27,2 tuổi. Nhìn chung, có thể thấy độ tuổi ra trình đồng của nhóm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay đang trẻ hóa. Những người ra trình đồng ở độ tuổi dưới 30 chiếm đến 62,7%. Trong đó, những người ra trình đồng từ khi chưa đủ 20 tuổi chiếm 24,7%. Những người trình đồng trong độ tuổi từ 20-29 chiếm tỷ lệ cao nhất, với 38,0%. Bên cạnh đó, số người ra trình đồng từ 30 tuổi trở lên chiếm 37,3% [Đỗ Duy Hưng, 2020: 76, 77]. Một hiện tượng đáng chú ý khác, thể hiện cho sự hồi sinh và phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu là chi phí cho các vấn hầu (lễ lên đồng) tăng vọt và quy mô của mỗi vấn hầu ngày càng lớn. Từ chỗ chỉ có vài người, vài chục người, đến nay cả hàng trăm người tham dự một vấn hầu [Mai Thị Hạnh, 2016: 17]. Điều này phần nào cho thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của nghi lễ lên đồng với những người thực hành nghi lễ.

Những nghiên cứu về cộng đồng người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu và cách họ tổ chức mạng lưới của mình luôn được các nhà khoa học quan tâm. Bản hội trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu có thể

xem như sợi dây kết nối xuyên suốt đồng thầy (người chủ lễ) - con nhang (đệ tử) - thánh thần (đối tượng thiêng). Để làm rõ các vấn đề về bản hội, như quá trình hình thành, sự phát triển, đặc điểm về cách tổ chức và vận hành, các nhân tố có vai trò chính... chúng tôi dựa vào nguồn tài liệu của những người nghiên cứu đi trước, kết hợp với nguồn tư liệu điền dã của bản thân về những bản hội hiện nay ở khu vực đồng bằng sông Hồng, sử dụng tiếp cận Tôn giáo học và lý thuyết Mạng lưới xã hội để phân tích các vấn đề của bài viết. Trong đó, tiếp cận Tôn giáo học được sử dụng khi phân tích bản hội như một cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng. Việc phân tích cộng đồng tập trung vào cơ sở hình thành, người lãnh đạo, người có ảnh hưởng, các mối quan hệ trong, ngoài của cộng đồng, sự gắn kết cộng đồng, và các đặc điểm của cộng đồng thông qua cấu trúc, thành phần, quy cách tổ chức vận hành, v.v... [Chu Văn Tuấn, 2021: 34-35]. Lý thuyết Mạng lưới xã hội được áp dụng trong bài viết để phân tích mạng lưới những người lên đồng, tập trung nghiên cứu mối quan hệ xã hội giữa những người lên đồng và đồng thầy.

### 1. Nguồn gốc hình thành các bản hội

Hiểu một cách đơn giản, *bản hội* là một tổ chức xã hội thu nhỏ của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu. Nói theo thuật ngữ của các nhà xã hội học, nhân học thì bản hội là một mạng lưới xã hội trong đó có đồng thầy có vai trò là hạt nhân. Tập hợp xung quanh đồng thầy là các đệ tử được coi là những thành viên của bản hội [Mai Thị Hạnh, 2016: 9].

Bản hội được hình thành và phát triển trong quá trình liên kết xã hội giữa đồng thầy với người tin theo, gọi là “con nhang đệ tử”, thông qua thực hành nghi lễ và hoạt động tín ngưỡng của đồng thầy. Những đồng thầy càng nhiều uy tín và “có tâm” thì bản hội càng đông con nhang đệ tử, “bản đền, bản điện nhiều phúc, nhiều lộc”<sup>1</sup>.

Hiện nay, khái niệm bản hội được nhắc đến nhiều hơn trong cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu. Nguyễn Ngọc Mai có đề cập đến bản hội trong công trình *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*. Mục đích của nghiên cứu này là chỉ ra sự phát triển, quá trình vận động từ xưa đến nay và nghiên cứu sự tác động của kinh tế thị trường đến cơ cấu tổ chức bản hội. Tác giả cho rằng, bản hội là một mạng lưới xã hội của những căn đồng, “mạng lưới này được hình thành và tồn tại bởi các mối

quan hệ và sự gắn kết giữa các thành viên với nhau và đồng thầy. Mạng lưới xã hội của các căn đồng cũng bắt đầu và luôn luôn củng cố bằng niềm tin và sự tương hỗ” [Nguyễn Ngọc Mai, 2017: 333-337]. Cơ cấu tổ chức của bản hội bao gồm đồng thầy ở giữa là hạt nhân và các thành viên ở xung quanh. Đặc trưng của bản hội là các mối quan hệ của nó không hoàn toàn bình đẳng, được thể hiện trong mối quan hệ giữa đồng thầy và đồng lính; bản thân nó là một mạng lưới có tính mở bởi sự ra vào liên tục của các thành viên, nó cũng có những quy ước nhưng bất thành văn. Nguyễn Ngọc Mai cũng đã đi đến khái niệm bản hội: “Bản hội là một tập hợp người xung quanh đồng thầy và trợ giúp đồng thầy trong việc thực hành nghi lễ”. Xuất phát từ thực tế, theo tác giả, nghi lễ lên đồng bao gồm rất nhiều yếu tố cấu thành: khăn áo, cung văn (âm nhạc), điện thờ, lễ vật, hầu dâng... Một mình đồng thầy sẽ không tiến hành được nghi lễ nếu không có các thành viên khác tham gia, cho dù với tư cách trợ giúp (hầu dâng) hay làm các việc chuẩn bị (bày biện, trang trí điện thờ, lo cơm nước, mua sắm lễ lộc), cung ứng chất liệu cấu thành cho buổi lễ (trang phục, vàng, mã), cỗ vũ canh hầu (khách mời). Vì vậy, để có thể hoạt động được trong lĩnh vực thực hành nghi lễ của mình, đồng thầy phải thiết lập một mạng lưới các quan hệ xã hội gồm những cá nhân có khả năng đảm nhiệm các phần việc khác nhau, cũng như có thể cung ứng những thành tố tạo nên các công đoạn khác nhau cho cuộc lễ” [Nguyễn Ngọc Mai, 2017: 333-334].

Nguyễn Ngọc Mai còn phân chia thành hai loại bản hội: Bản hội tại các điện thờ công và bản hội tại các điện thờ tư gia. Bản hội tại điện thờ công là tập hợp những cá nhân cùng chung một mục đích là thờ tự thần linh tại một điện thờ nhất định (di tích lịch sử, văn hóa địa phương hoặc do nhà nước quản lý); Bản hội điện thờ tư gia không túc trực thường xuyên (...) sợi dây tâm linh là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và kết nối các thành viên. Họ gặp gỡ nhau, quy tụ làm việc thánh thần theo quy luật của những kỳ lễ bái [Nguyễn Ngọc Mai, 2017: 330-331]. Chúng tôi không đồng tình với quan điểm này vì trong quá trình nghiên cứu và quan sát, thấy rằng điện thờ tư gia vẫn có sự phục vụ của đồng trưởng (mà bản điện chúng tôi nghiên cứu thường gọi là “Ông Trưởng”). Đó là người sẽ thay mặt con nhang đệ tử, nhang đèn hằng ngày, kêu cầu cho con nhang đệ tử khi có việc cấp bách trong cuộc sống, bên cạnh “việc Thánh”.

Trong nghiên cứu của mình, Mai Thị Hạnh chỉ ra rằng: *Bản hội Đạo Mẫu lại là một cộng đồng tín đồ Đạo Mẫu bao gồm nhiều thành viên dưới sự dẫn dắt của một chủ hội, có cùng một chốn tổ; có sự hiểu biết, đồng cảm lẫn nhau và có cùng niềm tin vào sự độ trì của các vị thần Đạo Mẫu* [Mai Thị Hạnh, 2018: 44]. Khi nhắc đến sự hình thành của bản hội thì không thể không nhắc đến vai trò của đồng thầy, ở đây đồng thầy là người đứng đầu của một bản hội và những hoạt động của đồng thầy trong các nghi lễ thờ Mẫu. Như vậy có thể hiểu một cách đơn giản vai trò của đồng thầy trong tác nhân hình thành Bản hội như sau:

Đồng thầy → hoạt động tâm linh → con nhang đệ tử → BẢN HỘI.

Vì khi nghiên cứu quá trình hình thành một bản hội là chúng ta phải đi nghiên cứu quá trình một người có căn số để trở thành đồng thầy và các đồng tân (đồng lính) với những tiêu chí, mục đích rõ ràng là phải có nghĩa vụ “Bắc ghế cho Thánh ngự”, những thành viên trong bản hội có cùng mục đích là hướng đến sự thực hành tâm linh, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hằng ngày. Theo quan niệm của các đồng thầy thì họ thường nhắc các đồng tân, những tín đồ mới gia nhập đạo như “làm lính có công, làm đồng có phép” [Vũ Hồng Thuật, 2016: 66], Phép là phép tắc trong mối quan hệ với thánh thần, quan hệ giữa những người đồng đạo với nhau, ngoài ra còn có cả phép tắc của một người có căn số khi muốn trở thành một tân thanh đồng. Quá trình để trở thành một đồng thầy được mô tả như sau: “Cắt tóc làm con tôi ông Thánh → Lễ tạ 100 ngày → lập điện và tu dưỡng → lễ tạ ba năm (tạ tam niên) → làm lễ trình đồng mở phủ cho con nhang đệ tử → trở thành đồng thầy” [Mai Thị Hạnh, 2016: 66]. Đây là quy trình để trở thành một đồng thầy. Và tác giả cũng đưa ra kết luận: Bản hội được hình thành xuất phát từ nhu cầu công việc cụ thể là “Căn âm” (Những người có căn âm hay mang căn cao số nặng được hiểu đơn giản là khả năng cảm nhận, quan sát được phần âm, giúp giải đáp những vấn đề linh thiêng trong đời sống con người. Họ là những người có thể nghe nói và nhìn thấy những gì mà người cõi âm cho biết để diễn tả lại với người dương. Họ là người có duyên với phần âm cũng như là người được chọn như một sợi dây kết nối giữa người âm và người dương, họ để người âm giải bày những điều không thể nói cũng như gửi gắm tới những người ở trần thế một cách dễ dàng hơn. Người có căn âm là những người trong trắng giống như trẻ con, người có nghiệp duyên,

được thần thánh đoái thương giúp đỡ, nên đã chắt chọn để các Thánh cứu vớt, cũng như thay mặt Đức Thánh làm việc cứu độ thế gia, làm phúc làm thiện tu chân chuộc lỗi bản thân để đạt được an nhiên thanh thản trong đời sống hiện tại đến khi trả hết nợ Thánh nợ đời viên mãn sau khi thoát sinh. Những người có căn âm thường làm công việc xem tướng số, làm thầy đồng phục vụ thần thánh hay giúp những người dân có thêm những hiểu biết về kiến thức tâm linh) [Đỗ Duy Hưng, 2018-2020]<sup>2</sup>. Theo Claire Chauvet khi viết về đi lễ xa trong tín ngưỡng tứ phủ của người Việt ở miền Bắc, mặc dù không trực tiếp sử dụng từ bản hội, nhưng những cụm từ mà tác giả nhắc tới như mạng lưới, nhóm người đã cho chúng ta mượn tượng ban đầu về bản hội. “Những cuộc hành hương dựa vào sự tổ chức và các mạng lưới của một nhóm người thường là theo cùng một đền hay điện thờ tư gia, đôi khi là một chùa và của người đồng đền (phải là người lên đồng hoặc ít nhất là phải có căn đồng). Các mạng lưới tập hợp từ mười đến hơn một trăm con nhang đệ tử...” . Tác giả cũng không quên khẳng định đi lễ xa – đi đến những nơi mà các vị thần thánh đã đến lúc sinh thời và đã có chiến công là “hoạt động thuộc cuộc sống hàng ngày”, “nghĩa vụ của các đệ tử” đạo Mẫu [Claire Chauvet, 2007: 24, 26].

Tác giả bài viết khẳng định: *đi lễ xa như là một nghĩa vụ của các đệ tử thường xuyên của các thánh và nhất là của các ông bà đồng*. Theo tư liệu điền dã và phỏng vấn của tác giả tại các địa bàn nghiên cứu: Hà Nội, Nam Định, Thái Bình..., với quan niệm “*Đi lễ xa là đi trình của Cha, của Mẹ*”, các tân thanh đồng trong vòng ba năm đầu cho đến khi lễ tạ “*Tam niên*” đều đi trình hết các cửa trong Tam/Tứ phủ<sup>3</sup>.

Sự ra đời của một cộng đồng các tín đồ thực hành thờ Mẫu còn được gọi là cơ cánh, chính là tâm điểm của tục lệ thờ Mẫu (Khi thâm nhập thực tế tại bản hội, tôi còn được nghe các thành viên gọi bản hội là cơ cánh. Tuy nhiên, theo tác giả, từ “cơ cánh” thường được dùng để chỉ một nhóm người của bản hội khác phân biệt với bản hội mình. Hơn nữa, từ cơ cánh không bao hàm toàn bộ các thành phần mà nhiều khi được dùng để chỉ nhóm thanh đồng trong một bản hội mà thôi).

Niềm tin tôn giáo chính là sợi dây kết nối mạnh nhất và hiếm có yếu tố nào chi phối được. Đối với các tín đồ, thời gian đi lễ thánh là cơ hội giúp họ giao tiếp thông linh với các vị thánh và thế giới tâm linh. Họ phấn khởi vì được học những câu chuyện mới về các vị thánh và

tín ngưỡng thờ Mẫu, học hỏi và thể hiện khả năng quán xuyên, tổ chức điều hành và lãnh đạo của mình; vì vậy, hoạt động đi lễ thánh còn là một cơ hội thực thi quyền năng của các tín đồ, chủ yếu là phụ nữ, nâng cao sự tự tin và tầm ảnh hưởng của mình trong cộng đồng [Vũ Thị Tú Anh, 2013: 19].

Một bản hội có thể có từ vài chục cho đến vài trăm tín đồ, vì sau mười hai năm ra trình đồng, khi được cấp sắc thì đồng thầy được mở phủ và lập điện “tôn áp, lập thờ”. Để có thể thực hành nghi lễ hầu đồng thì đồng thầy phải tạo dựng xung quanh mình một mạng lưới những thành viên có thể cung cấp cho mình những dịch vụ tâm linh như cung văn, hầu dâng “tay quỳnh, tay quế”, người phục vụ cho canh đàn khóa lễ: mua sắm hoa, quả, bày biện trang trí điện thờ và những người thường xuyên cổ vũ cho các canh hầu. Theo mô tả của Nguyễn Ngọc Mai cho thấy bản hội của điện thờ công như Phủ Giày có tổ chức chặt chẽ, thường trực và cơ cấu nhân sự đông đúc hơn nhiều so với các bản hội của các điện tư gia và một số chùa khu vực ngoại thành Hà Nội. “Cơ cấu tổ chức của bản hội Phủ Giày có tới bốn mươi người thường xuyên được cất đặt vào vị trí như bảo vệ (mười hai người, họ được nuôi cơm hằng ngày tại phủ và được hưởng toàn bộ lộc thánh trong những canh hầu), bộ phận nhà bếp (5-7 người, là những phụ nữ cao tuổi của thôn làng), bộ phận các cô ngồi tứ trụ (6-10 người, họ là con gái, con dâu và người thân thiết của thủ nhang). Cũng theo tác giả, các bản hội của điện thờ tư gia không có cơ cấu tổ chức lớn như vậy “song ít nhiều nó cũng có những quy luật, quy tắc hoạt động nhất định: có Hội trưởng (đồng thầy) và các hội viên (đồng lính) với tôn chỉ và mục đích rõ ràng là phục vụ thánh thần và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, nhất là trong đời sống tinh thần” [Nguyễn Ngọc Mai, 2017:328, 329]. Những thành viên này được hình thành trong quá trình đồng thầy thực hành nghi lễ, họ gắn bó với đồng thầy qua nhiều năm tháng, tại bản điện, tại những cuộc đi lễ xa và họ luôn được đồng thầy giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần. Bản hội đồng con nhang đệ tử cũng thông qua việc đồng thầy mở phủ trình đồng cho con nhang, đệ tử, họ gắn bó với đồng thầy và được coi như “chón tổ” của mình, nơi mình được sinh ra lần thứ hai, được “xuất thủ, trình đồng”. Ngoài những người được ra trình đồng tại bản điện thì còn có những người thông qua hoạt động tâm linh của đồng thầy: cung văn, những con

nhang đệ tử, những người có bán khoán tại bản điện cho những trẻ nhỏ khó nuôi, xin con cầu tự tại đây hoặc được đồng thầy “kêu thay lạy đỡ” cho các gia chủ, giúp việc tâm linh, lễ bái cho gia đình họ... tập hợp những thành viên này tạo nên một cộng đồng được gọi là bản hội, trong đó đồng thầy được gọi là hội trưởng. Đây là một quy luật chung cho tất cả những bản hội.

Ở đây, chúng ta có thể đặt ra một câu hỏi, điều gì đã kết nối những con người vốn xa lạ với nhau trong một bản hội lại có thể gắn bó bền chặt, yêu thương, giúp đỡ nhau hơn cả anh em trong nhà. Quan niệm về sự đồng dạng ở đây sẽ cho chúng ta hiểu về vấn đề trên; nhà nghiên cứu [Mcpherson, J.Miller và Lynn Smith Lovin, 1987: 370 - 379] cho rằng, bất cứ một mạng lưới xã hội nào cũng được hình thành dựa trên cơ sở sự đồng dạng, bao gồm: chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp và giai cấp xã hội, tôn giáo, giáo dục, vị trí mạng lưới, thái độ, khả năng, khát vọng và niềm tin. Sự đồng dạng này nhấn mạnh đến những cá nhân trong cộng đồng, có khả năng tạo ra mối liên kết từ đó hình thành nên mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, hiếm có sự đồng dạng nào như sự đồng dạng của những người gia nhập bản hội, chính sự đồng dạng này khiến cho bản hội ngày càng trở thành một trong những mạng lưới xã hội có sự cố kết chặt chẽ và lâu bền nhất.

Những người trong bản hội có cùng niềm tin vào sự chở che, phù trợ của các vị thánh Mẫu cho các vấn đề trong cuộc sống hiện tại của họ. Các thành viên bản hội cũng là những người có nhiều sự đồng cảm về niềm tin, về tâm lý tình cảm, hay những vấn đề khó khăn mà họ gặp phải trong cuộc sống trần tục... Chính sự đồng cảm này khiến họ đồng cảm, cộng cảm với nhau. Khi họ có chung một chôn tổ, họ hướng đến một vẻ đẹp: chân –thiện –mỹ, một cuộc sống hạnh phúc, nhiều tài lộc. Đó cũng là lý do vì sao nhiều người lựa chọn gia nhập bản hội thờ Mẫu mà không phải là một tổ chức của một tôn giáo khác. Từ đây, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa: “Bản hội trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là một cộng đồng tín đồ thực hành thờ Mẫu bao gồm nhiều thành viên, dưới sự dẫn dắt của một chủ hội; có cùng một chôn tổ; có sự hiểu biết, đồng cảm lẫn nhau và có cùng niềm tin vào sự độ trì của các vị thần đạo Mẫu”.

Bản hội là một mạng lưới tâm linh, khác với các quan hệ xã hội về nghề nghiệp hay một mạng lưới mang tính chất đoàn thể. Sự hình



thành bản hội dựa trên sự gắn kết của các thành viên với nhau xoay quanh đồng thầy. Niềm tin giữa các cá nhân và đồng thầy là một niềm tin tôn giáo, từ đó hình thành nên sự tin tưởng lẫn nhau và tạo nên các mối quan hệ làm ăn tương hỗ lâu dài. Đây là một mạng lưới xã hội nhưng mang đậm chất tâm linh.

## 2. Cách tổ chức của một bản hội

Một cộng đồng tín đồ thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu có thể tồn tại và hoạt động cần phải có một cơ cấu tổ chức. Tuy nhiên, cách thức tổ chức của từng bản hội còn tùy thuộc bản hội đó thuộc điện thờ công hay điện thờ tư gia. Cơ cấu bản hội có sơ đồ hình mạng với hạt nhân là đồng thầy và các thành viên bao gồm đồng lính, cung văn, thủ nhang, hầu dâng... xoay xung quanh. Việc thu hút số lượng thành viên nhiều hay ít phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đó là sự “có tâm” của đồng thầy, sự “cao tay ấn” hay “sự linh thiêng và ma lực của đồng thầy là điều quan trọng nhất”. Tiểu sử linh thiêng cùng những năng lực đặc biệt như khả năng liên hệ với thế giới thần thánh siêu nhiên, chữa bệnh kỳ diệu, có khả năng chặn đứng tai ương, làm được những điều huyền bí mà người thường không làm được... đã tạo nên thứ ma lực khiến một người nào đó có thể thu hút nhiều người tập hợp xung quanh mình [Charles Keys, dẫn theo Mai Thị Hạnh, 2016: 22].

Trong một bản hội, đứng đầu là đồng thầy (đồng trưởng), dưới đồng thầy là Trưởng ban Ban Khánh tiết. Ban Khánh tiết có thể là một vài người. Ở bản hội *Linh Trung Điện* có bốn ban như sau: Ban Khánh tiết, Ban Hành lễ, Ban Chấp tác, Ban Hậu cần. Mỗi ban đảm nhận một công việc riêng, lo việc hiếu, hỷ; việc công đức, kêu gọi mọi người trong bản hội giúp đỡ lẫn nhau, hoặc làm từ thiện ở bên ngoài bản hội; và việc ngoại giao của bản hội. Một buổi lễ của bản hội sẽ do đồng thầy sắp xếp, sau khi họp bản hội ý với bốn trưởng ban và cắt đặt công việc. Mỗi trưởng ban sẽ chịu trách nhiệm phân công trong ban mình phụ trách, với tinh thần “nhất tâm với nhà Thánh, Mẫu để một buổi lễ được diễn ra suôn sẻ, trọn vẹn<sup>4</sup>. Tuy bản hội là một điện thờ tư gia nhưng cơ cấu tổ chức lại hết sức “bài bản, chặt chẽ”, vận hành công việc khá trơn tru.

Như vậy, theo tác giả Mai Thị Hạnh có đưa ra “quy trình” hình thành của Bản hội theo một cách tóm gọn như sau: [Mai Thị Hạnh, 2018: 71, 76]

Kẻ ngoại đạo→Thanh đồng→Đồng thầy→Mở phủ tình đồng cho con nhang đệ tử→Đồng thầy với năng lực đặc biệt, thu hút các con nhang đệ tử xung quanh mình để thực hành các nghi lễ ở một điện thờ cụ thể→Bản hội.

Còn theo tác giả bài viết với quá trình thâm nhập thực tế của mình tại một điện tư gia tại thực địa thì cũng rút ra một quy trình cơ cấu của một bản hội như sau:

Đồng Thầy →Ban khánh tiết→Ban hành lễ→Ban chấp tác→Ban hậu cần (trong mỗi Ban thì đều có một trưởng ban phụ trách các công việc mà mình được đồng Thầy giao cho).

*Mỗi bản hội có một người đứng đầu, người đó phải là đồng thầy*

Một số thanh đồng có thể trở thành đồng thầy. Điều tiên quyết để một thanh đồng được gọi là đồng thầy là phải có *khả năng mở phủ* cho con nhang đệ tử. Nói cách khác, tất cả đồng thầy đều là *thanh đồng*, nhưng không phải thanh đồng nào cũng có thể trở thành đồng thầy. “Sự khác nhau cơ bản giữa đồng thầy và những người đồng khác là *khả năng tâm linh* của họ, tức là khả năng mở phủ cho những người khác, ngoài khả năng mở phủ họ còn làm được việc âm, kêu cầu cho bách gia trăm họ trong bản hội của mình, khả năng làm lễ chữa bệnh cùng nhiều nghi lễ khác” [Nguyễn Thị Hiền, 2007: 42]. Với việc trình đồng mở phủ cho người khác, thanh đồng trở thành người “đẻ đồng”, theo như cách gọi của giới đồng bóng, và có những “đứa con” do mình “đẻ ra”. Những “đứa con” ấy gọi họ là đồng thầy. Trải qua năm tháng, số lượng con đồng của đồng thầy ngày càng nhiều hơn. Họ gắn bó chặt chẽ với đồng thầy và bản hội được mở rộng về quy mô. Tất nhiên, đó phải là bản hội do đồng thầy làm chủ hội. Như vậy, có các con đồng do đồng thầy “sinh ra” bên cạnh các thành viên khác như nhang tử, bán tử, tín chủ... là điểm nổi bật của bản hội do đồng thầy làm chủ hội. “Những đồng thầy thường phải lập điện riêng, chăm nom đến điện thờ thánh” [Nguyễn Thị Hiền, 2007: 43]. Phần lớn các đồng thầy đều sở hữu hoặc quản lý điện thờ nào đó, có thể là điện tư gia hay điện công. Từ đó, hình thành nên hai kiểu bản hội do đồng thầy đứng đầu là: “Bản hội Công và bản tư gia” [Nguyễn Ngọc Mai, 2018: 328-333].

*Thực hành nghi lễ là sợi dây kết nối giữa các tín đồ của bản hội với đồng thầy và bản hội*

Việc thực hành nghi lễ, phụng thờ Thánh Mẫu luôn được coi là hoạt động trọng tâm của mỗi bản hội. Các tín đồ thường hay nhắc đến các danh xưng của các vị thánh kèm theo địa danh, một không gian thiêng, một chiến công hiển hách của vị thánh đó: Thánh Mẫu Liễu Hạnh (Phủ Dầy Nam Định); Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, ông Hoàng Mười Nghệ An, ông Hoàng Bảy Bảo Hà... Vì có những công trạng riêng nên mỗi vị thánh sẽ có đền thờ riêng và có sự kết nối giữa không gian thiêng và những bản đền (điện) của từng bản hội.

Đối với mỗi người ra trình đồng thì nơi mình được cắt tóc làm tội ông thánh được coi là “*chốn tổ*”, nơi thanh đồng đó được “xuất thủ trình đồng”. Đó là một bản điện do một đồng thầy dẫn trình. Đối với đồng thầy, thanh đồng được coi như con cái trong nhà, có cùng một mục đích là phụng sự Thánh, Mẫu cùng lo toan công việc chung của bản điện. Tại không gian bản điện, những thanh đồng luôn cảm nhận được tình cảm và sự gần gũi với thầy của mình và những đồng đạo. Việc đi lễ xa là một nghĩa vụ thường xuyên của các tín đồ thờ Mẫu, và cũng là sự dịch chuyển không gian tâm linh trong thực hành nghi lễ. Hoạt động tâm linh không chỉ diễn ra tại một bản hội mà nó còn được diễn ra tại các đền phủ khác trên cả nước nơi có thờ phụng Thánh, Mẫu. Việc đi lễ xa của các bản hội thường là đầu xuân năm mới, nhưng cũng có thể là vào dịp tháng Tám âm lịch.

### **3. Vai trò, đặc điểm của bản hội**

Mỗi mạng lưới xã hội có vai trò riêng của nó, với bản hội - một mạng lưới xã hội mang tính chất tâm linh của các tín đồ trong tín ngưỡng thờ Mẫu, thì vai trò đầu tiên và quan trọng nhất là vai trò hỗ trợ các thành viên trong bản hội để thực hành các nghi lễ.

Mỗi bản hội thờ Mẫu luôn là một cộng đồng tôn giáo có tính cố kết cao bởi vì họ có chung một niềm tin vào Thánh Mẫu, với cảm giác chính mình là con nhà Mẫu. Khi trong gia đình có điều gì bất trắc, các thành viên bản hội đều đến cửa thánh để kêu cầu, ví dụ như khi làm ăn thất bát, gia đình ly tán, con cái hư hỏng, sức khỏe không tốt... Những người có căn đồng thường có những biểu hiện ốm đau không rõ nguyên nhân, làm ăn trực trặc, gia đình không hòa thuận và họ có niềm tin rằng mỗi khi họ kêu cầu, các thánh, mẫu có khả năng phù trợ để họ có thể “làm ăn được xuôi chèo mát mái”.

Trong bản hội không chỉ hỗ trợ nhau về vật chất, công sức, mà còn hỗ trợ cả việc thực hành nghi lễ, “truyền dạy cho nhau kỹ thuật, kinh nghiệm hầu đồng”, vì không phải ai khi mới trình đồng mở phủ đều đã biết kỹ thuật hầu đồng. Ngoài một số người được coi là có khả năng hầu đồng tự nhiên hoặc được “thánh dạy”, thì đa số là nắm được kỹ thuật hầu đồng thông qua việc được truyền dạy, học hỏi, và luyện tập. Những đệ tử mới trình đồng, khi ra hầu thánh thường có đồng thầy chịu trách nhiệm ngồi hầu dâng để bảo ban đệ tử của mình, nhắc nhở mỗi khi họ làm sai động tác. Có thể nói, trong quá trình hành lễ tại bản điện, đồng thầy thường dạy cho con nhang đệ tử của mình kỹ thuật hầu đồng, kỹ thuật tự kỷ ám thị, và cốt lõi nhất là hiểu ý nghĩa về Tam phủ, Tứ phủ, lịch sử từng vị thánh... sao cho thực hiện đúng nhịp với cung văn.

Có thể nói, đồng thầy là một chất keo kết dính các thanh đồng với nhau tạo nên một bản hội thông qua nhu cầu tâm linh và có chung một niềm tin vào Thánh Mẫu. Những người ra trình đồng thường nói tới “thầy tôi”, “thầy của chị” là biểu thị cho sự kính trọng những người thầy đã dìu dắt các đệ tử vào con đường của đạo. Do vậy, chúng ta có thể thấy rằng, đồng thầy là một nhân tố vô cùng quan trọng trong việc có kết cộng đồng một bản hội, điều đó được thể hiện qua vai trò của các đồng thầy trong các nghi lễ, trong việc giúp cho bách gia trăm họ giải quyết được những “việc âm” nảy sinh trong cuộc sống, từ đó quy tụ những thành viên bản hội đoàn kết yêu thương nhau, nhất tâm cùng đồng thầy phụng sự Thánh Mẫu. Không những vậy, đồng thầy còn tạo cho con nhang đệ tử an tâm về việc “trên theo thánh, dưới theo thầy” đó chính là yếu tố niềm tin sâu sắc tạo nên một bản hội, một loại hình cộng đồng tôn giáo đặc biệt, và cũng biểu thị một cảm xúc tôn giáo rất đặc biệt của những tín đồ.

Việc tham gia bản hội còn cho thấy hiệu quả về mặt kinh tế. Nguyễn Ngọc Mai cho biết, “việc thường xuyên gặp gỡ nhau tại các cuộc lên đồng hầu bóng nơi bản điện của đồng thầy và tổ chức đi lễ xa đã gia tăng tình thân thiết. Mỗi lần như vậy các thanh đồng được chia sẻ với nhau, thăm hỏi tình hình cuộc sống của nhau, không thiếu những trường hợp nhờ những mối quan hệ kiểu này mà nghề nghiệp, việc làm ăn của họ trở nên thuận chèo mái hơn” [Nguyễn Ngọc Mai, 2017: 333]. Việc gia nhập bản hội, tham gia thực hành nghi lễ

với đồng thầy và các tín đồ đã mang lại lợi ích về cả tinh thần và vật chất cho các thành viên trong bản hội. Từ đó tạo dựng niềm tin giữa đồng thầy và các tín đồ, những thành viên trong bản hội. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, những thanh đồng tin rằng Thánh Mẫu thường phù trợ cho kinh doanh buôn bán. Đặc biệt là trong cơ chế thị trường thì thực hành thờ Mẫu đã trở thành tín ngưỡng của những thương nhân, những người kinh doanh, buôn bán. Kết quả khảo sát định lượng của chúng tôi trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 tại ba tỉnh Hà Nội, Nam Định và Thái Bình cho thấy rằng, nghề nghiệp buôn bán kinh doanh của những người tham gia lên đồng chiếm 30,7% [Đỗ Duy Hưng, 2020: 67-81]. Như vậy, trong cộng đồng tín đồ thờ Mẫu, các thanh đồng làm công việc kinh doanh buôn bán chiếm tỷ lệ cao, vì mục đích cầu xin có “đồng ngân đồng xuyên” hay làm ăn được “xuôi chèo mát mái” được đặt lên hàng đầu, và họ tin rằng chỉ có các thánh mẫu mới phù giúp cho họ đạt được những mong ước đó. Những điều quan trọng nhất mà những tín đồ thờ Mẫu luôn hướng tới đó là được phù hộ, độ trì cho công việc kinh doanh buôn bán được “đắc tài sai lộc”.

Trong bản hội thờ Mẫu, chúng ta có thể thấy lực lượng phụ nữ tham gia vào các nghi lễ luôn áp đảo. So với các tôn giáo, tín ngưỡng khác thì đây cũng chính là một nét đặc trưng của bản hội. Những ghi chép của các tác giả trong và ngoài nước ở các thế kỷ XVIII, XIX, XX và những số liệu khảo sát của tác giả bài viết đều cho thấy việc nữ giới tham gia các nghi lễ lên đồng luôn “là lực lượng hùng hậu”, nếu như không muốn nói là chiếm phần lớn số lượng các thành viên trong bản hội thờ Mẫu [Claire Chauvet, 2010: 25]. Những nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu của các tác giả Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Thị Hiền, Claire Chauvet từ sau khi bắt đầu Đổi mới đến nay cũng chỉ ra hầu hết tín đồ trong tín ngưỡng thờ Mẫu là phụ nữ. Điều này cũng trùng khớp với số liệu mà chúng tôi thu thập được trong những năm 2018-2020 tại ba tỉnh Hà Nội, Nam Định và Thái Bình. Kết quả khảo sát có số liệu như sau: 70% nữ giới tham gia bản hội và thực hành nghi lễ lên đồng, nam giới chỉ chiếm 30% [Đỗ Duy Hưng, 2020: 67-81]. Như vậy có thể khẳng định rằng số lượng nữ giới áp đảo trong bản hội thờ Mẫu, điều này cũng có thể tạo nên sự khác biệt rất lớn so với các cộng đồng tôn giáo khác.

Trong bản hội còn có một bộ phận những người được gọi là “đồng cô, bóng cậu”, xét về khía cạnh giới họ là những người ái nam, ái nữ. Một bộ phim ngắn của thầy đồng Lưu Ngọc Đức<sup>5</sup> đã cho chúng ta thấy rõ điều đó. Sự xuất hiện của những người thuộc giới tính thứ ba là một điểm khác biệt rõ nét của những bản hội thờ Mẫu so với những cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng khác.

### **Một vài nhận xét**

Như vậy, có thể đi đến kết luận rằng, bản hội trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu có thể xem là một cộng đồng tôn giáo với hạt nhân là một chủ hội (*thông thường là đồng thầy*) đóng vai trò thủ lĩnh tâm linh, xung quanh có các đệ tử bao gồm nhiều thành phần như con nhang đệ tử, bản tử, tín chủ, thanh đồng, hầu dâng, cung văn... Chất keo giúp gắn kết các thành viên bản hội thành một cộng đồng chính là niềm tin vào các vị thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu, vào năng lực đặc biệt cũng như sự dẫn dắt của đồng thầy. Với tư cách là một cộng đồng tôn giáo, bản hội thờ Mẫu có chức năng cộng cảm (cảm xúc, tình cảm tôn giáo), là không gian để các thành viên chia sẻ và đồng cảm với nhau trong nhiều vấn đề về tâm linh, sức khỏe, giới tính... Không những thế, bản hội thờ Mẫu với những mối quan hệ đa dạng, nhiều chiều đã tạo nên nguồn vốn xã hội phong phú hỗ trợ các thành viên của nó trong phát triển kinh tế, văn hóa và điều cốt lõi chính là niềm tin tâm linh, cùng hướng về Thánh Mẫu, cùng được coi là “con cái của Thánh Mẫu”. Trong một bản hội, yếu tố tâm linh và kinh tế luôn cùng song hành. Và trên hết, để bản hội được duy trì và phát triển thì vai trò của đồng thầy luôn đóng vai trò là điều kiện tiên quyết.

Nghiên cứu về sự hình thành, phát triển và các đặc trưng của các bản hội thờ Mẫu có thể mang lại đóng góp có ý nghĩa đối với các nhà quản lý trong việc xây dựng quản lý hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng một cách hiệu quả, đồng thời bảo tồn được những giá trị nhân văn truyền thống./.

**CHÚ THÍCH:**

1. Phỏng vấn đồng thầy N. X. T., Tư liệu điền dã của Đỗ Duy Hưng (2018 – 2020).
2. Tư liệu ghi chép điền dã của tác giả tại Bản hội Linh Trung Điện, tại Hà Nội
3. Tư liệu điền dã của Đỗ Duy Hưng (2018-2022).
4. Tư liệu điền dã của Đỗ Duy Hưng (2018 – 2020).
5. Bộ phim “*Love man and love woman*” được chia sẻ rộng rãi trên nền tảng YouTube.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Nguyên Anh (1998), “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”, *Xã hội học*, số 2.
2. Vũ Thị Tú Anh (2013), “Đền thờ Đạo Mẫu và tục đi lễ thánh: Không gian đời sống của tín đồ Đạo Mẫu”, *Văn hóa dân gian*, số 5 (143).
3. Claire Chauvet (2007), “Đi lễ trong tín ngưỡng Tứ phủ: Hình thành lại bản sắc địa phương và quốc gia ở miền Bắc Việt Nam”, in trong *Hiện đại và những động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: Chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt”, in trong *Hiện đại và những động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Lê Ngọc Hùng (2003), “Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”, *Xã hội học*, số 2.
6. Mai Thị Hạnh (2016), “Bản hội trong Đạo Mẫu: Sự hình thành, đặc trưng và vai trò của nó-tiếp cận từ lý thuyết Phân tích mạng lưới xã hội”, trong *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ: Bản sắc và giá trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Mai Thị Hạnh (2018), *Bản hội trong Đạo Mẫu: Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Đỗ Duy Hưng (2020), “Một số đặc điểm nhân khẩu học của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở châu thổ Bắc Bộ hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (202).
9. Vũ Hồng Thuật (2016), “Làm lính có công, làm đồng có phép”, trong *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng: Lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
11. Oscar Selammink (2007), “Tìm kiếm an ninh tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại”, trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Abstract**

**FORMATION AND DEVELOPMENT OF THE ASSOCIATION  
IN THE WORSHIP OF MOTHER GODDESSES**

**Do Duy Hung**

*Institute for Religious Studies  
Vietnam Academy of Social Sciences*

**Tran Anh Chau**

*Institute for Religious Studies  
Vietnam Academy of Social Sciences*

Association is a form of organization that links mediumship practitioners with a mediumship teacher as the leader in the belief in Mother Goddesses (the Three Palaces and the Four Palaces) in Vietnam. It can be said that it is a religious community on a small scale. The association began a long time, and it has changed a lot in comparison to the versions mentioned by M. Durand who researched the network of mediumship practitioners in the 40s of the twentieth century. The article answers some questions as follows: How did the association form? What are its features? How is it organized and operated? The author analyzes the data collected from the field through qualitative research and applies the approach of Religious Studies and the theory of Social Networks to answer the aforementioned questions.

**Keywords:** Association; mediumship practitioners; mediumship teacher; social network.